

Số: 01/2019/QĐ-PT

Vĩnh Phúc, ngày 16 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT ĐƠN ĐỀ NGHỊ, KHÁNG NGHỊ XEM XÉT LẠI
QUYẾT ĐỊNH TUYÊN BỐ PHÁ SẢN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Thẩm phán:

Ông Lê Duy Giá

Ông Nguyễn Vĩnh Thành

Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên họp: Ông Trịnh Duy Tám – Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

Tại Quyết định tuyên bố phá sản số: 01/2019/QĐ - TBPS ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V đã căn cứ vào các điều 9, 16, 22, 23, 51, 53, 54, 83, khoản 1 Điều 107, Điều 108, Điều 111 và Điều 131 của Luật phá sản năm 2014, quyết định: Tuyên bố phá sản đối với Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và dịch vụ S (sau đây viết tắt là Công ty S); địa chỉ: Số nhà 68 ngõ 33 đường H, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc.

Ngày 01/2/2019, anh Lê Văn T là người nộp đơn yêu cầu tuyên bố Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và dịch vụ S phá sản nhận được Quyết định tuyên bố phá sản số: 01/2019/QĐ - TBPS ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V. Ngày 13/02/2019, anh Lê Văn T có đơn đề nghị xem xét lại Quyết định tuyên bố phá sản, với lý do: Quyết định tuyên bố phá sản chưa nêu cụ thể rõ ràng tài sản của Công ty S, còn thiếu 09 chiếc xe ô tô mà Tòa án không đưa vào trong quyết định và một số tài sản khác như số điện thoại làm dịch vụ taxi của Công ty S là 02113.696969; 02113.767676 và cột tần số làm dịch vụ taxi của Công ty.

Ngày 08/3/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V có Quyết định kháng nghị số: 92/VKS-PS, kháng nghị đối với Quyết định tuyên bố phá sản số: 01/2019/QĐ - TBPS ngày 21/01/2019, của Tòa án nhân dân thành phố V, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc mở phiên họp giải quyết theo hướng huỷ Quyết định tuyên bố doanh nghiệp phá sản với lý do: Quyết định tuyên bố phá sản số: 01/2019/QĐ - TBPS ngày 21/01/2019, của Tòa án nhân

dân thành phố V chỉ nêu chung chung mà không phân tích, đánh giá mối quan hệ giữa Công ty S và chủ nợ để giải quyết vụ việc, dẫn đến kết quả giải quyết không đảm bảo đúng quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên.

Tham gia phiên họp, anh Lê Văn T giữ nguyên đơn yêu cầu và đơn đề nghị xem xét lại Quyết định tuyên bố phá sản số: 01/2019/QĐ - TBPS ngày 21/01/2019, của Tòa án nhân dân thành phố V; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc giữ nguyên Quyết định kháng nghị số: 92/VKS-PS ngày 08/3/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc, đơn đề nghị xem xét lại Quyết định tuyên bố phá sản của người yêu cầu và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, Hội đồng phiên họp nhận định:

[1]. Đối với đề nghị xem xét lại Quyết định tuyên bố phá sản của anh Lê Văn T cho rằng Tòa án sơ thẩm không nêu cụ thể, rõ ràng tài sản và không đưa hết tài sản của Công ty S trong vụ việc phá sản. Xem xét nội dung này thấy rằng: Theo báo cáo tài chính của Công ty S ngày 28/11/2016 thì tổng tài sản của Công ty S đang sử dụng và đã thế chấp tại các Ngân hàng gồm: Quyền sử dụng đất của 04 thửa đất, với tổng diện tích là 1000 m², có địa chỉ tại phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc; 02 nhà 3 tầng; 01 trường Mầm non, diện tích xây dựng 500 m²; 03 chiếc xe ô tô tải; 09 chiếc xe ô tô con; Tài sản là tiền do các lái xe còn nợ doanh thu và mua xe ô tô trả góp của Công ty là 1.500.000.000đ.

Tại biên bản làm việc ngày 17/11/2017 của Thẩm phán phụ trách phá sản, Quản tài viên và ông Lê Thành Q - Giám đốc Công ty S đã kiểm kê tài sản tại trụ sở Công ty S và đã xác định: Công ty S không còn tài sản gì tại địa chỉ nêu trên. Vì vậy, việc anh T cho rằng không kê khai hết tài sản của Công ty S là không có căn cứ.

[2] Về Quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, đề nghị huỷ Quyết định tuyên bố phá sản số: 01/2019/QĐ - TBPS ngày 21/01/2019, của Tòa án nhân dân thành phố V, Hội đồng phiên họp thấy rằng:

Theo hồ sơ phá sản thì Công ty S được thành lập từ ngày 09/3/2009, do ông Lê Thành Q làm giám đốc. Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty có vay nhiều khoản vay của các chủ nợ, trong đó có những chủ nợ có bảo đảm bằng tài sản của Công ty và của bên thứ ba như Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam; Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội; Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng; Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và một số chủ nợ không có bảo đảm khác (trong đó có anh Lê Văn T là người yêu cầu tuyên bố Công ty S phá sản).

Quá trình giải quyết vụ việc yêu cầu tuyên bố doanh nghiệp phá sản đối với Công ty S, chủ nợ có bảo đảm là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng

và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội đều có giấy đòi nợ, đề nghị Toà án buộc Công ty S phải thanh toán số nợ đã vay với ngân hàng. Theo đó, tính đến ngày 17/11/2018, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng yêu cầu Công ty S trả tổng số tiền: 1.937.253.701đ (gồm nợ gốc 615.203.121đ, lãi phạt 872.895.456đ, lãi phạt chậm trả 449.155.124đ) theo Hợp đồng tín dụng số G1105961/023 ngày 12/5/2011, G0902909.1 ngày 06/8/2009, G1105961/00 ngày 31/9/2011, G1105961/02 ngày 14/4/2011; Tính đến ngày 10/11/2018, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội yêu cầu Công ty S trả tổng số tiền 2.914.796.048đ (gồm nợ gốc 1.250.000.000đ, lãi trong hạn 980.212.922đ, lãi quá hạn 82.919.909đ, lãi phạt 601.663.217đ). Toà án nhân dân thành phố V không đánh giá tính hợp lý đối với những yêu cầu của chủ nợ có bảo đảm là Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội mà vẫn chấp nhận toàn bộ yêu cầu của hai Ngân hàng trên (gồm cả khoản nợ là tiền lãi phạt và lãi quá hạn) là không có căn cứ, chưa xem xét hết các điều khoản ký kết trong Hợp đồng tín dụng giữa các bên, không đúng với quy định tại Điều 474 BLDS năm 2005 và Điều 11 Quyết định số 1672/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Quyết định có hiệu lực vào thời điểm ký Hợp đồng tín dụng) là làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty S.

Mặt khác, tại Điều 2 của Quyết định tuyên bố phá sản đã quyết định: “Thu hồi, thanh lý tài sản của Công ty S thế chấp tại các Ngân hàng và tài sản thế chấp của bên thứ 3 thế chấp để Công ty S vay của các Ngân hàng...”. Theo đó, tài sản đảm bảo bao gồm 09 chiếc xe ô tô và 03 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình giải quyết vụ việc phá sản, anh Nguyễn Thành Q – Giám đốc Công ty S và một số cá nhân mua xe ô tô đều thừa nhận đã mua bán bằng hình thức trả góp 07 trong số 09 chiếc xe ô tô trên từ năm 2011, 2012. Cụ thể, bán cho anh Nguyễn Văn X chiếc xe ô tô biển kiểm soát 88A - 004.83, anh Nguyễn Văn L xe ô tô biển kiểm soát 88A - 007.35, anh Nguyễn Bá A xe ô tô biển kiểm soát 88A - 007.43, anh Đỗ Hồng B xe ô tô biển kiểm soát 88A - 004.81, anh Đặng Văn C xe ô tô biển kiểm soát 88A - 005.82, anh Trần Văn D xe ô tô biển kiểm soát 88A 004.80 và anh Lê Ngọc M xe ô tô biển kiểm soát 88K - 1911. Tuy nhiên, tại thời điểm mua bán xe, Giấy đăng ký của 07 chiếc xe ô tô trên đang được thế chấp tại một số ngân hàng, cụ thể: Xe ô tô biển kiểm soát 88K - 1911, 88A - 007.35, 88A - 007.43, 88A - 004.80, 88A - 005.82 đang được thế chấp tại Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng – Chi nhánh Vĩnh Phúc theo Hợp đồng thế chấp số: TC 0902909 ngày 06/8/2009, số: TC1105961 ngày 31/3/2011, số: TC1105961/03 ngày 12/5/2011; Xe ô tô biển kiểm soát 88A - 004.81, 88A - 004.83 đang được thế chấp tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội theo Hợp đồng thế chấp số 136.2011/HĐTC ngày 21/3/2011 (những Ngân hàng nhận thế chấp xe ô tô trên là chủ nợ có bảo đảm của Công ty), nên Công ty S chưa giao giấy đăng ký xe cho người mua, hiện tại những người mua xe theo hình thức trả góp với Công ty Sng vẫn đang sử dụng, quản lý số những xe ô tô trên và có yêu

cầu Công ty S phải trả đăng ký xe hoặc trả lại cho những người này số tiền đã trả cho Công ty S để mua xe. Qua xem xét các hợp đồng thế chấp tài sản là xe ô tô được ký kết năm 2011 giữa Công ty S với Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng, Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội đều thể hiện bên thế chấp không được bán, chuyển nhượng, trao đổi, tặng cho, góp vốn, dùng tài sản thế chấp bảo đảm cho nghĩa vụ khác hoặc có bất kỳ hình thức nào chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với tài sản thế chấp nếu không được bên ngân hàng đồng ý bằng văn bản. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng thế chấp, Công ty S đã bán 07 chiếc xe ô tô trên cho các cá nhân, nhưng chưa làm rõ việc bán xe Công ty có được sự đồng ý bằng văn bản của ngân hàng không? Không thu thập Hợp đồng mua bán xe trả góp của 05/07 cá nhân (của anh Nguyễn Văn X, anh Nguyễn Văn L, anh Đỗ Hồng B, anh Trần Văn D và anh Lê Ngọc M) mua xe trả góp. Để từ đó xác định Hợp đồng mua bán theo hình thức trả góp đối với 07 xe ô tô có hiệu lực hay vô hiệu (nếu có hiệu lực thì liên quan đến trách nhiệm và tài sản bảo đảm của Ngân hàng như thế nào; nếu vô hiệu thì phải tuyên bố giao dịch vô hiệu và giải quyết hậu quả của giao dịch vô hiệu theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 108 Luật Phá sản). Từ việc Tòa án không đánh giá tính hợp pháp của các hợp đồng mua bán xe trả góp và làm rõ mối quan hệ giữa Công ty S với Ngân hàng nhận thế chấp tài sản và với 07 cá nhân đã mua xe ô tô mà đã Quyết định thu hồi, thanh lý đối với số xe ô tô này để thanh toán cho các chủ nợ có bảo đảm (Ngân hàng) đồng thời buộc Công ty S phải thanh toán cho 07 cá nhân đã mua xe là anh Nguyễn Văn X 420.000.000đ, anh Nguyễn Văn L 365.000.000đ, anh Nguyễn Bá A 305.000.000đ, anh Đỗ Hồng B 370.000.000đ, anh Đặng Văn Thủy 390.000.000đ, anh Trần Văn D 350.000.000đ và anh Lê Ngọc M 250.000.000đ theo diện chủ nợ không có bảo đảm là chưa có căn cứ, chưa giải quyết hết các nội dung theo quy định tại Điều 108 Luật Phá sản.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ mâu thuẫn về lời khai giữa chủ nợ không có bảo đảm là ông Lê Ngọc M về việc ông M yêu cầu Công ty S trả số tiền còn nợ là 30.000.000đ theo Giấy đòi nợ ngày 12/7/2017, trong khi ông Lê Thành Q – Giám đốc Công ty S cho rằng Công ty S chỉ còn nợ ông Lê Ngọc M số tiền 15.000.000đ. Đồng thời, ông Lê Thành Q – Giám đốc Công ty S không đồng ý với toàn bộ số tiền theo đơn yêu cầu của một số chủ nợ không có bảo đảm (những chủ nợ mua xe ô tô trả góp với Công ty S) như anh Nguyễn Bá A, anh Nguyễn Văn X, anh Đặng Văn C, anh Nguyễn Văn L và anh Trần Văn D theo đơn trình bày ngày 28/8/2017. Tuy nhiên, tại Phụ lục danh sách chủ nợ của Công ty S kèm theo Quyết định tuyên bố Phá sản của Tòa án nhân dân thành phố V lại xác định ông Lê Ngọc M là chủ nợ không có bảo đảm của Công ty S với số nợ 250.000.000đ và chấp nhận toàn bộ số tiền theo đơn yêu cầu của các chủ nợ không có bảo đảm trên là không có căn cứ.

Toà án cấp sơ thẩm chưa làm rõ khoản nợ 250.000.000đ của ông Lê Thành M yêu cầu là nợ cá nhân của ông Lê Thành Q hay nợ của Công ty S nhưng cấp sơ thẩm đã đưa vào danh sách chủ nợ là chưa đảm bảo.

Đối với chiếc xe ô tô Kia Morning biển kiểm soát 88A-005.53 của Công ty S đã bán cho ông Nguyễn Thanh E, ông E trình bày đã bán cho một người không quen biết, nay không xác định được chiếc xe này ở đâu, do ai quản lý. Tuy nhiên, Tòa án vẫn quyết định thu hồi, thanh lý đối với xe ô tô biển kiểm soát 88A-005.53 là không có cơ sở.

Những vi phạm nêu trên, Tòa cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Để đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, xét thấy cần phải hủy toàn bộ Quyết định tuyên bố phá sản số: 01/2019/QĐ - TBPS ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V, giao hồ sơ vụ việc về Tòa án nhân dân thành phố V để giải quyết lại theo thủ tục chung.

Như vậy các nội dung của kháng nghị là có cơ sở, cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 112 Luật Phá sản.

1. Hủy Quyết định tuyên bố phá sản số: 01/2019/QĐ - TBPS ngày 21/01/2019 của Tòa án nhân dân thành phố V; giao hồ sơ vụ việc phá sản về Tòa án nhân dân thành phố V để giải quyết lại theo thủ tục chung.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Các chủ nợ;
- UBND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh phúc;
- VKSND thành phố V;
- TAND thành phố V;
- Chi cục THADS thành phố V;
- Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục thuế thành phố V;
- Quản tài viên;
- Cổng thông tin đăng ký DN Quốc gia;
- Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
- Báo Vĩnh Phúc;
- Lưu Hồ sơ, Tòa Kinh tế.

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hà

